

THẨM QUYỀN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÀNH CHÍNH THEO LUẬT TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH SỰ KẾ THỪA, PHÁT TRIỂN VÀ NHỮNG NỘI DUNG CẦN TIẾP TỤC ĐƯỢC HOÀN THIỆN

ThS. NGUYỄN MẠNH HÙNG *

Ngày 24/11/2010 Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, tại kì họp thứ 8 đã thông qua Luật tổ tụng hành chính số: 64/2010/QH12 (sau đây gọi tắt là Luật tổ tụng hành chính), thay thế Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính số 49/1996/PL-UBTVQH9 ngày 21/05/1996⁽¹⁾ (sau đây gọi tắt là Pháp lệnh). Luật tổ tụng hành chính đã sử dụng phương pháp loại trừ kết hợp với liệt kê để mở rộng đáng kể phạm vi các việc thuộc thẩm quyền xét xử hành chính sơ thẩm. Mặc dù Luật tổ tụng hành chính mới có hiệu lực thi hành⁽²⁾ nhưng việc đánh giá về sự kế thừa, phát triển và những hạn chế của các quy định về thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hành chính theo quy định của Luật này là cần thiết để có thể kịp thời đưa ra những giải pháp hợp lý cho việc hoàn thiện và tổ chức thực hiện Luật có hiệu quả trong thực tiễn.

Xét về phương diện lí luận, các vụ việc thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm là các tranh chấp hành chính giữa chủ thể quản lí hành chính nhà nước (cá nhân, tổ chức được sử dụng quyền hành pháp) với đối tượng quản lí hành chính nhà nước (cá nhân, tổ chức phải phục tùng quyền hành pháp) phát sinh do việc thực thi quyền hành pháp (ban hành quyết định hành chính hoặc thực hiện hành vi hành chính). Tất nhiên, không phải

tất cả các tranh chấp nêu trên đều thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm. Chỉ những tranh chấp hành chính được cá nhân, tổ chức khởi kiện ra toà án theo quy định của pháp luật mới thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm. Do đó, Luật tổ tụng hành chính và Pháp lệnh đều quy định các vụ việc thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm là các khiếu kiện hành chính.

Phù hợp với quan điểm mở rộng thẩm quyền xét xử của toà án đối với các khiếu kiện hành chính được ghi nhận trong Nghị quyết của Bộ chính trị số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005, quan điểm của phần lớn các nhà nghiên cứu khoa học pháp lí, nhu cầu khiếu kiện hành chính trong xã hội và xu hướng chung của các nước trên thế giới, Điều 28 Luật tổ tụng hành chính quy định những khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của toà án gồm:

“1. Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính, trừ các quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngoại giao theo danh mục do Chính phủ quy định và các quyết định hành chính, hành vi hành chính mang tính nội bộ của cơ quan, tổ chức.

* Giảng viên Khoa hành chính - nhà nước
Trường Đại học Luật Hà Nội

2. *Khiếu kiện về danh sách cử tri bầu cử đại biểu Quốc hội, danh sách cử tri bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân.*

3. *Khiếu kiện quyết định kỉ luật buộc thôi việc công chức giữ chức vụ từ tổng cục trưởng và tương đương trở xuống.*

4. *Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lí vụ việc cạnh tranh”.*

Mặc dù Điều 11 Pháp lệnh đã liệt kê 22 loại khiếu kiện thuộc thẩm quyền xét xử hành chính sơ thẩm nhưng phạm vi lĩnh vực phát sinh những khiếu kiện này hẹp hơn rất nhiều so với phạm vi lĩnh vực phát sinh những khiếu kiện được quy định tại Điều 28 nêu trên. Như vậy, có nhiều loại khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính không thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm theo quy định của Pháp lệnh nhưng lại thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm theo quy định của Luật tổ tụng hành chính. Sở dĩ như vậy là vì Luật tổ tụng hành chính đã sử dụng phương pháp loại trừ để quy định các quyết định hành chính, hành vi hành chính trong hầu hết các lĩnh vực của quản lí hành chính nhà nước đều là đối tượng của khiếu kiện hành chính. Trong khi đó, Pháp lệnh chỉ liệt kê các quyết định hành chính, hành vi hành chính trong một số lĩnh vực của quản lí hành chính nhà nước mới là đối tượng của khiếu kiện hành chính. Tất nhiên, phương pháp loại trừ cũng tiềm ẩn nguy cơ cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định nhiều loại khiếu kiện không thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm. Do đó, việc xác định cơ quan nào có thẩm quyền quy định những loại khiếu kiện này có ảnh hưởng trực tiếp tới phạm vi các vụ việc thuộc thẩm quyền

xét xử sơ thẩm.

Phù hợp với quan điểm: “*Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp*” (Điều 2 Hiến pháp năm 1992⁽³⁾) và kinh nghiệm lập pháp của các nước trên thế giới, Luật tổ tụng hành chính quy định những khiếu kiện các quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc phạm vi bí mật nhà nước theo danh mục quy định của Chính phủ và các quyết định hành chính, hành vi hành chính mang tính nội bộ của cơ quan, tổ chức không thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, quy định này sẽ tạo khả năng cho Chính phủ (cơ quan thực thi quyền hành pháp) hạn chế thẩm quyền xét xử sơ thẩm của toà án (cơ quan thực thi quyền tư pháp). Những quyết định hành chính, hành vi hành chính không thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm của toà án cần được quy định ngay trong Luật tổ tụng hành chính (Điều 3 - Giải thích từ ngữ). Thực tế, Luật tổ tụng hành chính chỉ mới quy định: “*Quyết định hành chính, hành vi hành chính mang tính nội bộ của cơ quan, tổ chức là những quyết định, hành vi quản lí, chỉ đạo, điều hành hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong phạm vi cơ quan, tổ chức đó*”⁽⁴⁾ mà không quy định cụ thể danh mục các quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc phạm vi bí mật nhà nước. Do đó, Ủy ban thường vụ Quốc hội cần căn cứ vào thẩm quyền giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh của mình được quy định tại khoản 3 Điều 91 Hiến pháp năm 1992 để quy định cụ thể về danh mục này.

Nhìn chung, Luật tổ tụng hành chính và Pháp lệnh điều chỉnh quy định đối tượng của khiếu kiện hành chính gồm: Quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỉ luật buộc thôi việc, danh sách cử tri bầu cử đại biểu Quốc hội, danh sách cử tri bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân (sau đây gọi tắt là danh sách cử tri) và quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh. Điều khác biệt dễ nhận thấy về đối tượng của khiếu kiện vụ án hành chính giữa hai văn bản này là: Luật tổ tụng hành chính đã loại trừ quyết định của chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết khiếu nại đối với quyết định của ban chủ nhiệm, hội đồng khen thưởng, kỉ luật của đoàn luật sư⁽⁵⁾ ra khỏi đối tượng của khiếu kiện hành chính. Đây là điểm hợp lí, vì loại quyết định này đã không còn được quy định trong pháp luật luật sư hiện hành.

Bên cạnh đó, phạm vi các quyết định hành chính, hành vi hành chính và quyết định kỉ luật buộc thôi việc là đối tượng của khiếu kiện hành chính theo quy định của hai văn bản này cũng có sự khác biệt đáng kể.

Thứ nhất, phạm vi các quyết định hành chính là đối tượng của khiếu kiện hành chính.

Khoản 1 Điều 4 Pháp lệnh quy định: *“Quyết định hành chính là quyết định bằng văn bản của cơ quan hành chính nhà nước hoặc của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể về một vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lí hành chính”*.

Khoản 1 Điều 3 Luật tổ tụng hành

chính quy định: *“Quyết định hành chính là văn bản do cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức khác hoặc người có thẩm quyền trong các cơ quan, tổ chức đó ban hành, quyết định về một vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lí hành chính được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể”*.

Như vậy, Pháp lệnh và Luật tổ tụng hành chính điều chỉnh quy định quyết định hành chính là đối tượng của khiếu kiện hành chính nếu quyết định này được thể hiện bằng văn bản và thuộc loại quyết định cá biệt trong hoạt động quản lí hành chính. So với Pháp lệnh, Luật tổ tụng hành chính đã không giới hạn về mặt chủ thể ban hành quyết định hành chính. Đây là điểm hợp lí, vì trong thực tiễn, các quyết định hành chính không do cơ quan hành chính nhà nước hoặc của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành có số lượng không nhỏ và chúng đều có khả năng xâm phạm trực tiếp tới các quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức làm phát sinh tranh chấp hành chính cần được toà án giải quyết. *Ví dụ*: Theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều 40, điểm k khoản 1 Điều 45 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính số 44/2002/PL-UBTVQH10 ngày 02/07/2002⁽⁶⁾ thì quyết định xử phạt vi phạm hành chính của chánh án toà án nhân dân hay quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính của người chỉ huy máy bay, tàu biển đều là các quyết định hành chính có khả năng xâm phạm trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức phải chấp hành các quyết định này.

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, Luật tố tụng hành chính cũng có hạn chế là đã không phân biệt quyết định hành chính là đối tượng của khiếu kiện hành chính với quyết định giải quyết khiếu nại.

Theo tinh thần chung của Luật tố tụng hành chính và các quy định pháp luật hiện hành về trình tự khiếu kiện (khiếu nại và khởi kiện) đối với quyết định hành chính thì cá nhân, tổ chức có quyền, lợi ích bị xâm phạm bởi quyết định hành chính nào đó có thể khởi kiện quyết định hành chính này ra toà án hoặc khiếu nại quyết định hành chính này tới người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu. Trong trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu thì họ có thể khiếu nại tới người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần thứ hai hoặc khởi kiện vụ án hành chính đối với quyết định hành chính mà trước đó họ đã khiếu nại tới người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu. Trong trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần thứ hai thì họ có thể khởi kiện vụ án hành chính đối với quyết định hành chính mà trước đó họ đã khiếu nại tới người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu. Nói cách khác, đối tượng của khiếu nại lần đầu, của khiếu nại lần thứ hai và đối tượng của khởi kiện vụ án hành chính được nêu ở trên là hoàn toàn giống nhau. Sự khác nhau giữa các lần khiếu kiện chỉ đơn giản là lí do và trường hợp thực hiện việc khiếu kiện. Mặc dù theo quy định tại khoản 10 Điều 2 Luật khiếu nại, tố cáo số 09/1998/QH10 ngày 02/12/1998⁽⁷⁾ và khoản

1 Điều 3 Luật tố tụng hành chính thì các quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và lần thứ hai đều là quyết định hành chính song không thể coi các quyết định giải quyết khiếu nại cũng là đối tượng của khiếu kiện hành chính được. Vì nếu như vậy thì việc giải quyết vụ việc tranh chấp hành chính sẽ không có điểm kết thúc chừng nào cá nhân, tổ chức còn khiếu kiện. Mặt khác, quyết định giải quyết khiếu nại không phải là nguyên nhân làm phát sinh tranh chấp hành chính mà chỉ là phương án giải quyết tranh chấp hành chính. Nếu không đồng ý với phương án giải quyết này thì cá nhân, tổ chức có thể yêu cầu cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền giải quyết lại tranh chấp đó và đưa ra phương án giải quyết khác.

Từ những lí do nêu trên mà mục 2 của Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao số 04/2006/NQ-HĐTP, ngày 04/08/2006 hướng dẫn thi hành một số quy định của Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính đã được sửa đổi, bổ sung theo các pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính ngày 25/12/1998 và ngày 05/04/2006 quy định: “*Quyết định hành chính là đối tượng khiếu kiện để yêu cầu toà án giải quyết vụ án hành chính phải là quyết định hành chính lần đầu*” nhằm phân biệt đối tượng của khiếu kiện hành chính (quyết định hành chính) với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.

Thứ hai, phạm vi các hành vi hành chính là đối tượng của khiếu kiện hành chính.

Khoản 2 Điều 4 Pháp lệnh quy định: *“Hành vi hành chính là hành vi của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước thực hiện hoặc không thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.”*

Khoản 2 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính quy định: *“Hành vi hành chính là hành vi của cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức khác hoặc của người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức đó thực hiện hoặc không thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.”*

Cũng như đối với quyết định hành chính, so với Pháp lệnh, Luật tổ tụng hành chính đã không giới hạn về mặt chủ thể của hành vi hành chính. Tuy nhiên, quy định về hành vi hành chính ở cả hai văn bản quy phạm pháp luật này đều cần phải xem xét lại.

Xét về phương diện lý luận, chúng ta có thể nhận thấy có nhiều hành vi thực hiện hoặc không thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền nhưng không phải là hành vi hành chính. Ví dụ: Những hành vi thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật tổ tụng hình sự của cơ quan hải quan, cơ quan kiểm lâm và những người có thẩm quyền trong các cơ quan này khi tiến hành một số hoạt động điều tra hình sự phải được xác định là hành vi tố tụng (hành vi tư pháp). Các hành vi này chỉ có thể được xác định là đối tượng của khiếu nại tư pháp. Mặt khác, việc quy định “hành vi hành chính là hành vi...” là thiếu cụ thể. Do đó, hành vi hành chính cần được

xác định là xử sự được thể hiện bằng hành động hay không hành động của cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

Tương tự như đối với quyết định hành chính, việc phân biệt hành vi hành chính là đối tượng của khiếu kiện hành chính với hành vi giải quyết hoặc không giải khiếu nại là cần thiết. Do đó, trong Luật khiếu nại⁽⁸⁾ hoặc nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Luật tổ tụng hành chính được ban hành trong thời gian sắp tới cần quy định: Các quyết định giải quyết khiếu nại, hành vi giải quyết hoặc không giải quyết khiếu nại không phải là đối tượng của khiếu kiện hành chính.

Thứ ba, phạm vi quyết định kỉ luật buộc thôi việc là đối tượng của khiếu kiện hành chính.

Khoản 3 Điều 4 Pháp lệnh quy định: *“Quyết định kỉ luật buộc thôi việc là quyết định bằng văn bản của người đứng đầu cơ quan, tổ chức để áp dụng hình thức kỉ luật buộc thôi việc đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ từ vụ trưởng và tương đương trở xuống thuộc quyền quản lý của mình theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.”*

Khoản 3 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính quy định: *“Quyết định kỉ luật buộc thôi việc là văn bản thể hiện dưới hình thức quyết định của người đứng đầu cơ quan, tổ chức để áp dụng hình thức kỉ luật buộc thôi việc đối với công chức thuộc quyền quản lý của mình.”* Ngoài ra, theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật này thì chỉ quyết định kỉ luật buộc thôi việc công chức giữ chức vụ từ

tổng cục trưởng và tương đương trở xuống mới là đối tượng của khiếu kiện hành chính.

Như vậy, khác với quy định của Pháp lệnh, Luật tổ tụng hành chính một mặt không quy định quyết định kỉ luật buộc thôi việc cán bộ là đối tượng của khiếu kiện hành chính, mặt khác thì quy định quyết định kỉ luật buộc thôi việc công chức giữ chức vụ tổng cục trưởng và tương đương là đối tượng của khiếu kiện hành chính. Do đó có thể nhận thấy Luật tổ tụng hành chính đã không thừa nhận quyền khởi kiện vụ án hành chính của cán bộ. Điều này là phù hợp với quy định tại Điều 78 Luật cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 ngày 13/11/2008. Cụ thể là khoản 1 của Điều này không quy định buộc thôi việc là hình thức kỉ luật đối với cán bộ. Tuy khoản 3 của Điều này quy định: “*Cán bộ phạm tội... bị tòa án phạt tù mà không được hưởng án treo thì đương nhiên bị thôi việc*” nhưng trong trường hợp này người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lí cán bộ đương nhiên bị thôi việc không cần phải ra quyết định để buộc cán bộ này phải thôi việc.

Xét về phương diện lí luận thì quyết định kỉ luật buộc thôi việc công chức cũng là một dạng quyết định hành chính cá biệt. Do đó, việc đưa ra định nghĩa về quyết định hành chính và quyết định kỉ luật buộc thôi việc tại các khoản 1 và 3 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính như đã nêu là có sự trùng lặp, dễ dẫn đến sự nhầm lẫn giữa hai thuật ngữ này.

Mặt khác, qua việc so sánh các quy định tại khoản 3 Điều 3 và khoản 3 Điều 28 của Luật tổ tụng hành chính với các quy định

liên quan của pháp luật hiện hành về cán bộ, công chức, chúng ta có thể thấy các quy định này còn nhiều điểm chưa thống nhất và làm hạn chế quyền khiếu kiện hành chính của cán bộ, công chức, cụ thể như sau:

Một là có nhiều văn bản quy phạm pháp luật sử dụng các thuật ngữ: Cán bộ, công chức, viên chức với những nội dung khác nhau.

Hai là các quyết định kỉ luật cán bộ bằng hình thức bãi nhiệm; quyết định cho cán bộ, công chức thôi việc, nghỉ hưu; quyết định kỉ luật buộc thôi việc đối với công chức giữ chức vụ trên tổng cục trưởng đều không được quy định là đối tượng của khiếu kiện hành chính. Đây là hạn chế của Luật tổ tụng hành chính. Vì các quyết định này cũng có tính chất như quyết định kỉ luật buộc thôi việc được quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính (có khả năng xâm phạm tới quyền lao động của cán bộ, công chức với tư cách là công dân).

Ba là việc kỉ luật công chức làm việc trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội là công việc nội bộ của các tổ chức này. Do đó, quy định những công chức này cũng có quyền khiếu kiện hành chính giống như những công chức làm việc trong các cơ quan, đơn vị của nhà nước là không hợp lí.

Từ những lí do nêu trên, tôi cho rằng Luật tổ tụng hành chính không nên phân biệt quyết định kỉ luật buộc thôi việc với quyết định hành chính. Bên cạnh đó, Pháp lệnh và Luật tổ tụng hành chính đều quy định danh sách cử tri và quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lí vụ việc cạnh tranh là đối tượng của khiếu kiện hành chính. Việc liệt

kê nhiều loại đối tượng của khiếu kiện hành chính như vậy không những đã làm giảm tính thống nhất giữa các loại đối tượng này mà còn làm phức tạp thêm một cách không cần thiết các quy định của pháp luật về tố tụng hành chính vốn dĩ đã rất phức tạp.

Thiết nghĩ, hoàn toàn có thể quy định hành vi hành chính trong việc lập danh sách cử tri là đối tượng của khiếu kiện hành chính thay vì quy định danh sách cử tri là đối tượng của khiếu kiện hành chính mà không hề làm thay đổi bản chất, nội dung của tranh chấp hành chính được giải quyết.

Tuy tại khoản 2 Điều 103 Luật tố tụng hành chính và khoản 1 Điều 115 Luật cạnh tranh số 27/2004/QH11 ngày 03/12/2004 có quy định quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh là đối tượng của khiếu kiện hành chính song tại Điều 116 Luật cạnh tranh lại gián tiếp quy định quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh mới là đối tượng của khiếu kiện hành chính. Theo quan điểm của tôi, quy định tại Điều 116 nêu trên là hợp lý. Do đó, hoàn toàn có thể quy định quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh hay của thủ trưởng cơ quan quản lý cạnh tranh (quyết định hành chính) là đối tượng của khiếu kiện hành chính thay vì quy định quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh là đối tượng của khiếu kiện hành chính mà không hề làm thay đổi bản chất của tranh chấp hành chính được giải quyết. Hơn nữa quy định như vậy cũng là để quán triệt quan điểm: Phân biệt quyết định hành chính là đối tượng của khiếu kiện

hành chính với quyết định giải quyết khiếu nại đã được nêu ở phần trên.

Từ những nhận định nêu trên, chúng ta có thể nhận thấy Luật tố tụng hành chính đã mở rộng đáng kể về phạm vi các vụ việc thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hành chính trên cơ sở sử dụng phương pháp loại trừ. Tuy nhiên, việc sử dụng phương pháp này của Luật tố tụng hành chính vẫn còn những hạn chế, có thể dẫn đến việc quy định trùng lặp, thiếu nhất quán, không rõ ràng, không đầy đủ, gây khó khăn cho việc khiếu kiện và giải quyết khiếu kiện hành chính của các cá nhân, tổ chức. Tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hành chính là việc cần tính đến trong thời gian sắp tới của các nhà lập pháp Việt Nam./

- (1). Pháp lệnh này đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Pháp lệnh số 10/1998/PL-UBTVQH10 ngày 25/12/1998 và Pháp lệnh số 29/2006/PL-UBTVQH11 ngày 05/04/2006).
- (2). Xem: Luật tố tụng hành chính có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2011.
- (3). Xem: Hiến pháp năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25/12/2001.
- (4). Xem: Khoản 4 Điều 3 Luật tố tụng hành chính.
- (5). Xem: Khoản 20 Điều 11 Pháp lệnh.
- (6). Pháp lệnh này đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Pháp lệnh số 31/2007/PL-UBTVQH11 ngày 08/03/2007 và Pháp lệnh số 04/2008/PL-UBTVQH12 ngày 02/04/2008.
- (7) Luật này đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 26/2004/QH11 ngày 15/06/2004 và Luật số 58/2005/QH11 ngày 29/11/2005.
- (8) Theo dự kiến, Luật này sẽ được biểu quyết thông qua tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XIII vào tháng 11/2011.